

DỰ THẢO

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM**

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2025

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	3
Điều 2. Giải thích thuật ngữ	3
CHƯƠNG II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	3
Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	3
Điều 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc	3
Điều 5. Trình tự, thủ tục để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.	9
Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến	10
CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	11
Điều 7. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị	11
Điều 8. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	12
Điều 9. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	14
Điều 10. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị	14
Điều 11. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty	15
CHƯƠNG IV: BAN KIỂM SOÁT	16
Điều 12. Vai trò, quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát	16
Điều 13. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát	16
CHƯƠNG V: TỔNG GIÁM ĐỐC	18
Điều 14. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc	18
Điều 15. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc	18
CHƯƠNG VI: CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC	19
Điều 16. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc	19
Điều 17. Xử lý vi phạm về quản trị công ty	20
Điều 18. Công bố thông tin	20
Điều 19. Bổ sung, sửa đổi Quy chế	20
Điều 20. Hiệu lực thi hành	20

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
TỔNG CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Căn cứ Nghị quyết số/2025/NQ-CTX-ĐHĐCĐ ngày ... tháng ... năm 2025 của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty với các nội dung sau đây:

CHƯƠNG I:
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về: Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc; Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc; Các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và quy định của pháp luật hiện hành.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

Trừ khi ngữ cảnh có quy định khác, các thuật ngữ đã được định nghĩa tại Điều lệ Tổng công ty và các văn bản pháp luật liên quan sẽ có ý nghĩa tương tự như được quy định trong Quy chế này.

CHƯƠNG II:
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết và là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Tổng công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông thực hiện các quyền và nghĩa vụ bằng cách thảo luận, biểu quyết thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường.
3. Ngoài ra, Đại hội đồng cổ đông có thể thực hiện các quyền và nghĩa vụ bằng cách biểu quyết thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp

1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

- 1.1. Triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên:
Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp trên lãnh thổ Việt Nam.
- 1.2. Triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:
 - a) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường có thể do: (i) Hội đồng quản trị; hoặc (ii) Ban kiểm soát; hoặc (iii) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên triệu tập theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Điều lệ công ty.

- b) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày xảy ra một trong các trường hợp theo quy định tại điểm b, c và d khoản 3 Điều 12 Điều lệ Tổng công ty, cụ thể:
- (i) Khi số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định pháp luật; hoặc
 - (ii) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát; hoặc
 - (iii) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty trở lên.
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty trở lên được quyền yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp này phải được lập thành văn bản và bao gồm các nội dung theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
- c) Trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp theo quy định tại mục (b) nêu trên thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;
- d) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định, thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty trở lên có quyền yêu cầu đại diện Tổng công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.
- e) Ngoài ra, Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty.

2. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp

- 2.1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.
- 2.2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông chuẩn bị và gửi hồ sơ thông báo về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông, đồng thời phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp theo quy định pháp luật.

3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

- 3.1. Trước khi tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định các vấn đề liên quan đến việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, gồm các vấn đề như:
 - Ngày đăng ký cuối cùng dự kiến để làm cơ sở lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
 - Ngày tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông dự kiến;
 - Địa điểm tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông;
 - Chương trình và nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông dự kiến;
 - Các vấn đề khác liên quan đến việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông.
- 3.2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

- 3.3. Thông báo về việc lập danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và công bố thông tin theo quy định của pháp luật có liên quan.

4. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

- 4.1. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp.
- 4.2. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi bằng đường bưu điện, thư điện tử (email), tin nhắn điện thoại, fax, và/hoặc bằng các phương thức liên lạc khác để đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông.
- 4.3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng Anh. Nội dung thông báo mời họp theo quy định tại khoản 1 Điều 143 Luật Doanh nghiệp.
- 4.4. Các tài liệu kèm theo thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty, bao gồm:
- Chương trình họp;
 - Các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
 - Phiếu biểu quyết.

5. Chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

- 5.1. Chuẩn bị chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông:
- a) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.
 - b) Nội dung cuộc họp phải là các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, kèm theo đó là các tài liệu thuyết minh, giải trình, các báo cáo liên quan đến nội dung cuộc họp. Chương trình họp phải xác định rõ thời gian dự kiến đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
 - c) Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả các cổ đông có quyền dự họp theo cách thức được quy định tại Điều 4.4 của Quy chế này.
- 5.2. Kiến nghị của cổ đông để đưa vào chương trình họp:
- a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.
 - b) Kiến nghị phải bằng văn bản và phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp. Kiến nghị phải được gửi đến Tổng công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp.
 - c) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối các kiến nghị này nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại điểm (b) nêu trên;
 - Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên;
 - Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - d) Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do từ chối.

- e) Trừ các trường hợp từ chối nêu trên, người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị vào dự kiến chương trình họp và nội dung cuộc họp; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

6. Ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

- 6.1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp. Ngoài ra, cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát làm đại diện cho mình tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.
- 6.2. Văn bản ủy quyền không nhất thiết phải được lập theo mẫu của Tổng công ty, nhưng phải đảm bảo được lập theo đúng quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền.
- 6.3. Người được ủy quyền dự họp phải xuất trình văn bản ủy quyền khi thực hiện thủ tục đăng ký dự họp hoặc có thể gửi trước thông tin về văn bản ủy quyền đến Ban tổ chức đại hội trước ngày khai mạc.
- 6.4. Trường hợp cổ đông chấm dứt hoặc thay đổi người được ủy quyền thì phải thông báo bằng văn bản đến Tổng công ty trước ngày khai mạc đại hội.

7. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

- 7.1. Cổ đông hoặc người được ủy quyền phải tiến hành đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông, khi đăng ký dự họp phải xuất trình giấy tờ pháp lý cá nhân, văn bản ủy quyền và các giấy tờ liên quan cần thiết khác để đăng ký dự họp.
- 7.2. Trước khi khai mạc cuộc họp, Ban tổ chức đại hội phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông dự họp. Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến tham dự họp làm thủ tục đăng ký với Ban tổ chức đại hội trước khi vào dự và ký tên xác nhận vào danh sách cổ đông tham dự họp.
- 7.3. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã biểu quyết trước đó không thay đổi.

8. Điều kiện tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

- 8.1. Để tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thì số cổ đông và người được ủy quyền dự họp phải đáp ứng một tỷ lệ tối thiểu theo quy định tại Điều 17 Điều lệ Tổng công ty, cụ thể:
- a) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông và người được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 65% tổng cổ phần có quyền biểu quyết.
- b) Hết 30 phút kể từ thời điểm Ban tổ chức bắt đầu tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông dự họp mà vẫn chưa đủ tỷ lệ tối thiểu 65% đăng ký tham dự như được nêu ở mục (a) nói trên, Ban tổ chức đại hội lập báo cáo và tuyên bố hủy cuộc họp. Thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp lần thứ nhất. Cuộc họp lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông và những người được ủy quyền dự họp tham dự đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- c) Hết 30 phút kể từ thời điểm Ban tổ chức bắt đầu tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông tham dự cuộc họp lần thứ hai mà vẫn chưa đủ tỷ lệ tối thiểu 51% đăng ký tham dự như được nêu ở mục (b) nói trên, Ban tổ chức đại hội lập báo cáo và tuyên bố hủy cuộc họp lần hai. Thông báo mời họp lần thứ ba được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định tiến hành cuộc

họp lần thứ hai. Trong trường hợp này cuộc họp lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông và người được ủy quyền tham dự.

- 8.2. Trong trường hợp triệu tập họp lần hai và lần ba như đã nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không cần lập lại danh sách cổ đông có quyền dự họp và có thể sử dụng danh sách cổ đông đã lập cho cuộc họp được triệu tập lần thứ nhất.
- 8.3. Chương trình và nội dung cuộc họp lần thứ hai và/hoặc lần thứ ba vẫn sẽ được giữ nguyên như chương trình và nội dung cuộc họp đã được chuẩn bị cho lần họp thứ nhất.

9. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của mình thông qua các hình thức sau:

- a) Biểu quyết tại cuộc họp; hoặc
- b) Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

10. Cách thức bỏ phiếu

- 10.1. Cổ đông, người được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông được Ban tổ chức phát phiếu biểu quyết được chuẩn bị sẵn.
- 10.2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết thông qua từng vấn đề trong chương trình đại hội. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách bỏ phiếu. Cách thức biểu quyết được thực hiện theo quy định tại Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông.
- 10.3. Cổ đông, người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký dự họp và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
- 10.4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

11. Cách thức kiểm phiếu

- 11.1. Số phiếu biểu quyết (thẻ biểu quyết) được kiểm đếm theo thứ tự: phiếu tán thành, phiếu không tán thành, phiếu không có ý kiến đối với từng vấn đề biểu quyết. Việc công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết được thực hiện ngay tại đại hội.
- 11.2. Cách thức kiểm phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại Quy chế bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát đã được đại hội thông qua.

12. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua thực hiện theo quy định tại Điều 19, Điều 20 Điều lệ và quy định tại Luật Doanh nghiệp, cụ thể:

- 12.1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành:
 - a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty;
 - d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 70% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
 - e) Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;

- 12.2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp sau đây:
- a) Các vấn đề quy định tại khoản 12.1 Điều này;
 - b) Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp;
 - c) Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 20 Điều lệ;
 - d) Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi thực hiện theo quy định tại Điều 15 Điều lệ.
- 12.3. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.
- 12.4. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- 12.5. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp và Quy chế bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

13. Thông báo kết quả kiểm phiếu

- 13.1. Đối với thể thức họp trực tiếp:
Việc kiểm phiếu được Ban kiểm phiếu thực hiện ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc, kết quả kiểm phiếu được công bố ngay tại Đại hội.
- 13.2. Đối với thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:
Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty, đồng thời công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi kết thúc công việc kiểm phiếu.

14. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

- 14.1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng cổ phần có quyền biểu quyết trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 22 Điều lệ.
- 14.2. Thời hạn cổ đông thực hiện quyền yêu cầu hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông là 90 ngày, kể từ ngày nhận được (ngày công bố trên website) biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

15. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

- 15.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu theo quy định tại khoản 1 Điều 150 Luật Doanh nghiệp.
- 15.2. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 150 Luật Doanh nghiệp. Biên bản phải ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

- 15.3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
- 15.4. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

16. Công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và phải công bố thông tin theo quy định pháp luật kể từ khi được ban hành.

Điều 5. Trình tự, thủ tục thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

1. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
 - a) Tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông đều có thể thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Nghị quyết được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua trong trường hợp tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông.
 - b) Các trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản: việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được thực hiện thông qua hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
2. Trình tự, thủ tục thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
 - 2.1. Thẩm quyền tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty, bao gồm các vấn đề quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.
 - 2.2. Thông báo về việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:
 - a) Khi xét thấy cần lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị tiến hành họp để thống nhất các vấn đề cần lấy ý kiến.
 - b) Hội đồng quản trị phải xác định được mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến; ngày đăng ký cuối cùng để làm cơ sở lập danh sách cổ đông được lấy ý kiến; thời hạn gửi lại phiếu ý kiến. Các nội dung này được thể hiện bằng Nghị quyết của Hội đồng quản trị.
 - c) Hội đồng quản trị phải thực hiện công bố thông tin về việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
 - d) Thông báo về việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và công bố thông tin theo quy định của pháp luật có liên quan.
 - 2.3. Lập danh sách cổ đông để lấy ý kiến:
 - a) Căn cứ nghị quyết của Hội đồng quản trị về việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty chuẩn bị và gửi hồ sơ thông báo thực hiện quyền cho Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC), đề nghị VSDC lập và gửi danh sách cổ đông sở hữu cổ phần tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền biểu quyết.
 - b) Hồ sơ thông báo gửi cho VSDC thực hiện theo quy định tại quy chế và/hoặc hướng dẫn của VSDC được ban hành tại thời điểm lập và gửi hồ sơ.
 - c) Danh sách cổ đông để lấy ý kiến được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi phiếu lấy ý kiến bằng văn bản.

2.4. Phiếu lấy ý kiến và thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến:

- a) Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn cổ đông phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.
- b) Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ Tổng công ty.

2.5. Cách thức gửi phiếu lấy ý kiến:

- a) Hội đồng quản trị gửi phiếu lấy ý kiến đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông bằng đường bưu điện, thư điện tử (email), fax và/hoặc bằng các phương thức liên lạc khác để đảm bảo đến địa chỉ liên lạc của cổ đông.
- b) Các tài liệu giải trình và các nội dung cần lấy ý kiến được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để các cổ đông xem xét trước khi thực hiện trả lời phiếu lấy ý kiến.
- c) Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Tổng công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định tại khoản 4 Điều 20 Điều lệ Tổng công ty, cụ thể:
 - (i) Trường hợp gửi thư qua đường bưu điện: phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín, được và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.
 - (ii) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
- d) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty sau thời hạn đã xác định tại phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư qua đường bưu điện hoặc đã bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax/thư điện tử sẽ được xem là phiếu không hợp lệ.
- e) Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

2.6. Kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu:

- a) Hội đồng quản trị thành lập ban kiểm phiếu để kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng công ty.
- b) Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại khoản 5 Điều 20 Điều lệ Tổng công ty.

2.7. Thông báo kết quả kiểm phiếu và công bố Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

- a) Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu, Chủ tịch Hội đồng quản trị ban hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- b) Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
- c) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu khác có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến

Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến thực hiện theo quy chế do

Hội đồng quản trị xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi triển khai thực hiện.

CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 7. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị:
 - 2.1. Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Điều lệ Tổng công ty và quy định của pháp luật có liên quan.
 - 2.2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a) Thực hiện nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Tổng công ty;
 - b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị;
 - c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác (nếu có);
 - d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con của Tổng công ty, công ty do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e) Công bố thông tin theo quy định pháp luật khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Tổng công ty.
3. Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và trách nhiệm, nghĩa vụ sau:
 - a) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Tổng công ty.
 - b) Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Tổng công ty.
 - c) Đảm bảo hoạt động của Tổng công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Tổng công ty.
 - d) Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
 - e) Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Tổng công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan.
 - f) Bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty theo quy định tại Điều 30 Điều lệ.

- g) Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật.

Điều 8. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị:
 - a) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị có từ 03 đến 11 thành viên. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
 - b) Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
 - c) Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị:
 - a) Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.
 - b) Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị:
 - Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp, cụ thể: (i) không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp; (ii) có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty; (iii) thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.
 - Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc của 01 công ty đại chúng.
 - Thành viên Hội đồng quản trị của công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.
3. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị:
 - 3.1. Hội đồng quản trị thông báo cho các cổ đông về số lượng thành viên dự kiến và điều kiện, tiêu chuẩn ứng cử thành viên Hội đồng quản trị để các cổ đông đề cử, ứng cử.
 - 3.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền gộp số cổ phần của mình để đề cử các ứng viên tham gia Hội đồng quản trị theo quy định sau:
 - a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% được đề cử tối đa 01 ứng viên;
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 ứng viên;
 - c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 ứng viên;
 - d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 ứng viên;
 - e) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa 05 ứng viên;
 - f) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 65% trở lên được quyền đề cử đủ số ứng viên;
 - 3.3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử, ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng cử viên để Đại hội đồng cổ đông thông qua.
4. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị:

Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp, cụ thể:

- 4.1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định.
- 4.2. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế bầu cử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.
 - 5.1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau:
 - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận.
 - 5.2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau:
 - a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
 - b) Vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và quy định tại Quy chế này.
 - 5.3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài các trường hợp quy định tại khoản 5.1 và khoản 5.2 Điều này.
 - 5.4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ đó. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba.
 - b) Trừ trường hợp quy định tại điểm (a) nêu trên, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.
6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.
 - 6.1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, công ty đại chúng phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e) Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;

- f) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó.
- 6.2. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và công bố thông tin theo quy định pháp luật có liên quan.
- 7. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- 7.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
- 7.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- 7.3. Bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị: trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn xin từ chức, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đơn của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị mới theo quy định.

Điều 9. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 26 Điều lệ Tổng công ty.

Điều 10. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

Trình tự và thủ tục cuộc họp Hội đồng quản trị tuân thủ theo quy định tại Điều 28 Điều lệ và quy định pháp luật, cụ thể:

- 1. Số lượng cuộc họp tối thiểu: Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.
- 2. Các trường hợp họp Hội đồng quản trị bất thường:
 - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
 - b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- 3. Thông báo họp Hội đồng quản trị:
 Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp (nếu có) và phiếu biểu quyết của thành viên.
- 4. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát:
 Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo (nếu có) đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết.
- 5. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị:
 - a) Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp.

- b) Trường hợp cuộc họp được triệu tập không đủ số thành viên dự họp theo quy định tại mục (a) nêu trên thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
6. Cách thức biểu quyết:
- Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.
7. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị:
- a) Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản;
 - b) Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành;
 - c) Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
8. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị:
- Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
9. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị:
- a) Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác.
 - b) Nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị tuân thủ theo quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp.
 - c) Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
10. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị:
- Việc công bố nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và quy định của pháp luật có liên quan.
11. Thăm quyền và thể thức, trình tự, thủ tục lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản thực hiện giống như quy định về tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị.

Điều 11. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty:
- a) Người phụ trách quản trị công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty.

- b) Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
- 2. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty:
Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị tại doanh nghiệp.
- 3. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Người phụ trách quản trị công ty theo quy định tại Khoản 1 Điều này.
 - b) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công.
 - c) Có đơn từ chức và được chấp thuận.
- 4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty:
Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty phải được thông báo theo quy định của pháp luật có liên quan.
- 5. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty theo quy định tại Điều 30 Điều lệ và quy định của pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG IV: BAN KIỂM SOÁT

Điều 12. Vai trò, quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

- 1. Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, Ban kiểm soát có vai trò chủ yếu sau:
 - a) Giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty;
 - b) Thẩm định, đánh giá công tác kế toán và báo cáo tài chính của Tổng công ty;
 - c) Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ Điều lệ, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
- 2. Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 37 Điều lệ Tổng công ty và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
- 3. Trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát:
 - a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
 - b) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng công ty.
 - c) Trung thành với lợi ích của Tổng công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
 - d) Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 13. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

- 1. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát:
 - a) Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Tổng công ty có từ 03 đến 05 thành viên. Số lượng thành viên Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ

của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

- b) Ban kiểm soát bao gồm một Trưởng ban và các Kiểm soát viên. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát:

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát:

3.1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền gộp số cổ phần của mình để đề cử các ứng viên tham gia Ban kiểm soát theo quy định sau:

- a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% được đề cử tối đa 01 ứng viên;
- b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 ứng viên;
- c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 ứng viên;
- d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 ứng viên;
- e) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa 05 ứng viên;
- f) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 65% trở lên được quyền đề cử đủ số ứng viên;

3.2. Trường hợp số lượng ứng viên thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng cử viên. Việc Ban kiểm soát giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

4. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát:

4.1. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số lượng thành viên quy định.

4.2. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát:

5.1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận.

5.2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;
 - d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát:
Việc thông báo bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện tương tự như đối với thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại khoản 6 Điều 8 Quy chế này.
7. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều 38 Điều lệ.

CHƯƠNG V: TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 14. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc

- 1. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
- 2. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 4 Điều 33 Điều lệ.

Điều 15. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc

- 1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc:
 - 1.1. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
 - 1.2. Tổng giám đốc của công ty đại chúng phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại khoản 5 Điều 162 Luật Doanh nghiệp, cụ thể:
 - a) Không thuộc đối tượng không được phép quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý Tổng công ty, Kiểm soát viên của Tổng công ty;
 - c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Tổng công ty.
- 2. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc:
Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.
- 3. Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng giám đốc:
Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.
- 4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc:
Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc phải được thông báo trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và công bố thông tin theo quy định pháp luật có liên quan.
- 5. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc:
Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

Tiền lương của Tổng giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty.

CHƯƠNG VI: CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 16. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

1. Thủ tục, trình tự triệu tập họp, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc:
 - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo (nếu có) đến thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ và quy chế này.
 - b) Thành viên Ban kiểm soát có quyền tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết.
 - c) Khi thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị có thể mời Tổng giám đốc và/hoặc người điều hành khác có liên quan tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị.
2. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát và Tổng giám đốc:
 - a) Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp hoặc nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị tới Ban kiểm soát sau khi kết thúc cuộc họp.
 - b) Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được gửi đến Tổng giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
3. Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao:
 - a) Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này theo quy định và khi được yêu cầu.
 - b) Trong cuộc họp Hội đồng quản trị mà Tổng giám đốc được mời tham dự, khi được yêu cầu, Tổng giám đốc phải báo cáo về các vấn đề quan trọng như: tình hình tài chính, đầu tư của Tổng công ty; các vấn đề ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động; các rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh và các vấn đề xét thấy cần thiết khác.
 - c) Theo cầu của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải báo cáo hoặc cung cấp thông tin theo yêu cầu.
4. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết Hội đồng quản trị và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc:

Tổng giám đốc chịu trách nhiệm về việc thực hiện nghị quyết Hội đồng quản trị và các vấn đề được Hội đồng quản trị ủy quyền thực hiện, đồng thời có trách nhiệm báo cáo các nội dung đã thực hiện hoặc chưa thực hiện cũng như kết quả việc thực hiện khi Hội đồng quản trị yêu cầu.
5. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc:
 - a) Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

Hội đồng quản trị đảm bảo rằng tất cả các tài liệu họp, thông tin về nội dung họp, biên bản họp, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tài liệu khác do Tổng công ty ban hành sẽ được cung cấp cho Ban kiểm soát cùng thời điểm và phương thức như cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị.

b) Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Tổng giám đốc:

Tổng giám đốc có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát được tiếp cận thông tin, tài liệu khi có yêu cầu theo quy định tại Điều lệ và theo quy định nội bộ.

c) Phối hợp hoạt động giữa Tổng giám đốc và Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc báo cáo, cung cấp thông tin, số liệu về tình hình hoạt động kinh doanh của Tổng công ty nhằm thực hiện chức năng quản trị, kiểm soát theo quy định tại Điều lệ và theo quy định nội bộ của Tổng công ty. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về tính trung thực đối với các thông tin, số liệu báo cáo, cung cấp cho Hội đồng quản trị.

Điều 17. Xử lý vi phạm về quản trị công ty

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm pháp luật và quy định của Tổng công ty thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Tổng công ty và của pháp luật. Nếu những hành vi vi phạm gây thiệt hại đến lợi ích của Tổng công ty, lợi ích của cổ đông thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Công bố thông tin

1. Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin định kỳ, bất thường và công bố thông tin theo yêu cầu theo quy định của pháp luật có liên quan.
2. Người đại diện theo pháp luật là người thực hiện công bố thông tin hoặc có thể ủy quyền cho người khác thực hiện công bố thông tin.

Điều 19. Bổ sung, sửa đổi Quy chế

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty.

Điều 20. Hiệu lực thi hành

Quy chế nội bộ về quản trị công ty gồm 06 chương 20 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH